

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 01/8/2025

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Lò Thị Thuý T và anh Nguyễn Văn S”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thanh.

2. Ông Hoàng Văn Thiết.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang, mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lò Thị Thuý T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn Thượng Lâm, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Thượng Lâm, xã P, tỉnh Tuyên Quang).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Thượng Lâm, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Thượng Lâm, xã P, tỉnh Tuyên Quang).

(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lò Thị Thuý T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn S có quan hệ vợ chồng, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 09 tháng 7 năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với gia đình anh S. Cuộc sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn đến khoảng tháng 7 năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S hay uống rượu, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng anh S không thay đổi, vẫn thường xuyên đi uống rượu và có lần về đánh chị. Chị xác định

mâu thuẫn vợ chồng không thể hoà giải, cuộc sống chung không thể tiếp tục, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị Lò Thị Thuý T xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị Toà án giải quyết về phần nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Lò Thị Thuý T xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn S không đến Toà án để làm việc, Toà án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Kết quả xác minh qua xác minh tại thôn Thượng Lâm nơi Chị T và anh S cư trú, ông Tô Văn Đ, Trưởng thôn cung cấp nội dung thông tin: Chị Lò Thị Thuý T và anh Nguyễn Văn S là công dân cư trú tại thôn Thượng Lâm, xã M (nay là thôn Thượng Lâm, xã P). Chị T và anh S có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2023 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, Chị T không chung sống cùng anh S, vợ chồng sống ly thân. Chị T và anh S không có con chung. Chị T và anh S không có nhà ở, đất đai chung ở thôn, nhà ở là của bố mẹ đẻ anh S; thôn không thấy có thông tin gì về việc anh chị vay nợ. Anh S vẫn ở nhà, thường xuyên có mặt tại địa phương.

Bà Nguyễn Thị Ú (mẹ đẻ của anh S), cung cấp nội dung thông tin: Bà Út xác nhận Chị T và anh S có quan hệ hôn nhân hợp pháp, anh chị chung sống với nhau ở riêng trên nhà, đất của vợ chồng bà. Vợ chồng anh chị mâu thuẫn với nhau từ giữa năm 2023, anh chị sống ly thân luôn từ đó đến nay. Chị T và anh S không có con chung, không có tài sản chung và cũng không vay nợ của ai. Việc Chị T xin ly hôn và Toà án gửi giấy tờ anh S có biết, có lần Toà án gửi giấy anh S nói với bà là xuống Toà án làm việc, anh S không đến Toà án bà không nắm được. Nhưng anh S vẫn ở nhà, thường xuyên sinh sống ở địa phương, không đi đâu xa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lò Thị Thuý T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Chị Lò Thị Thuý T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn S không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Lò Thị Thuý T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Thuý T và anh Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang), ngày 09 tháng 7 năm 2020. Quá trình chung sống đến khoảng giữa năm 2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh S thường xuyên uống rượu, vợ chồng cãi chửi, đánh nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, không có sự gắn kết, mâu thuẫn không thể hoà giải được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023. Quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh S không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị Thuý T, xử cho Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

[2] Về con chung: Chị Lò Thị Thuý T và anh Nguyễn Văn S không có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Lò Thị Thuý T xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; kết quả xác minh cũng thể hiện Chị T và anh S không có tài sản chung, không có vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn S không đến Toà án để làm việc theo giấy báo gọi, anh Bạo có biết việc chị Lành đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, có biết việc Toà án gửi giấy báo gọi, Toà án nhân dân huyện H (nay là Toà án nhân dân Khu vực 2 – Tuyên Quang) đã tiến hành xác minh tại thôn Thượng Lâm và tại gia đình anh S, kết quả xác minh thể hiện, anh S vẫn đang cư trú tại thôn Thượng Lâm, xã P, tỉnh Tuyên Quang; anh S thường xuyên ở nhà, có nhận được các văn bản tố tụng của Toà án. Vậy, việc anh S không đến Toà án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ các quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Toà án giải quyết vụ án trong trường hợp vắng mặt một bên đương sự theo quy định.

Chị Lò Thị Thuý T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, việc Chị T xin vắng mặt là quyền được pháp luật quy định.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị Thuý T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, anh Nguyễn Văn S không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Thuý T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2020 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang), cấp ngày 09 tháng 7 năm 2020 cho chị Lò Thị Thuý T và anh Nguyễn Văn S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lò Thị Thuý T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 92 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Tuyên Quang). Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn S không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Thuý T và anh Nguyễn Văn S đều vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Thanh - Hoàng Văn Thiết

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV2 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã P (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

